

Số: 529/2020/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 25 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 455/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 02/01/106 đường Minh M, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Bị đơn: Anh Trần Hiếu T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 02/01/106 đường Minh M, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy Dương và anh Trần Hiếu Thanh.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D và anh Trần Hiếu T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là các cháu Trần Nguyễn Yến N, sinh ngày 19/10/2005 và Trần Nguyễn Yến L, sinh ngày 03/12/2007, hiện nay các cháu đang ở với anh T, chị D. Nay ly hôn anh T, chị D thoả thuận như sau: Giao cả hai cháu Trần Nguyễn Yến N và Trần Nguyễn Yến L cho chị Nguyễn Thị Thùy D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Yến Ng và Yến L trưởng thành, đủ 18 tuổi; cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu được ở với mẹ. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

\* Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Trần Hiếu T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Trần Hiếu T xác nhận không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện chịu toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Thùy D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000495 ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Nay chị Nguyễn Thị Thùy D được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

**3.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS TP. Huế;
- UBND xã Phú Mậu, huyện Phú Vang, tỉnh TT. Huế;  
(Anh Thạnh, chị Dương ĐKKH số 26, Quyền số: 01,  
ngày 22/7/2003);
- Lưu: HSV A;
- Lưu dán.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)  
Huỳnh Trọng Cẩn**